

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HS-ST
Ngày: 07/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Ông Nguyễn Thái Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hoà.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai** tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hoà đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 744/2024/HSST ngày 19/12/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 733/2024/QĐXXST-HS ngày 24/12/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Trọng H**; Giới tính: Nam; sinh ngày 26 tháng 06 năm 1999, tại An Giang; Nơi cư trú: Không xác định (Nơi đăng ký thường trú: tổ 24, ấp Bình Hòa Thượng, xã Thường Thới Hậu A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Th); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Họ và tên cha: Phan Văn T – Sinh năm: 1960 (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1964 (còn sống); Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con út và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/09/2024, sau đó chuyển tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B;

(Bị cáo có mặt)

Bị hại:

1. Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 40/7, tổ 19C, Khu phố An Hòa, thành phố B, tỉnh Đ.

Điện thoại: 094.680.5779.

2. Ông Đỗ Văn V, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 137B, tổ 12, Khu phố 1, phường Tân Hạnh, Thành phố B, tỉnh Đ.

(Bà Nguyễn Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Đỗ Văn V vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng H là đối tượng không có nghề nghiệp, do cần tiền trả nợ, H nảy sinh ý định đi cướp giật tài sản. Thực hiện ý định trên, trong thời gian từ ngày 03/9/2024 đến ngày 16/9/2024, H đã thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn các phường Hóa An và Tân Hạnh, thành phố B cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 15 giờ 20 phút ngày 03/9/2024, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 69F1-108.73 đi đến phường Hóa An thì phát hiện bên trong tiệm vàng “Kim Ngọc H” (địa chỉ: tổ 16B, khu phố An Hòa, phường Hóa An, thành phố B) vắng người nên H liền dựng xe mô tô ở ngoài đường, đi bộ vào trong tiệm vàng gặp bà Nguyễn Ngọc H (sinh năm: 1974, nơi đăng ký thường trú: số 40/7, tổ 19C, khu phố An Hòa, phường Hóa An, thành phố B, tỉnh Đ) là chủ tiệm vàng, giả vờ hỏi mua vòng tay bằng vàng thì được bà H lấy đưa cho H xem 01 vòng tay bằng vàng loại 14K (trọng lượng 2,19 chỉ), H giả vờ cầm xem, sau đó nhanh chóng cầm vòng vàng chạy ra xe mô tô, nổ máy điều khiển tẩu thoát. Sau đó, H đi đến tiệm vàng “Ngọc Kim Nguyên” (địa chỉ: 137B, tổ 12, khu phố 1, phường Tân Hạnh, thành phố B, tỉnh Đ) do ông Đỗ Văn V (sinh năm: 1973, ngụ cùng địa chỉ trên) làm chủ, bán chiếc vòng tay trên được số tiền 9.400.000 (Chín triệu, bốn trăm nghìn đồng) tiêu xài hết.

* Vật chứng vụ án gồm: 01 vòng tay bằng vàng loại 14K (trọng lượng 2,19 chỉ) của bà Nguyễn Ngọc H, sau khi chiếm đoạt của bà H, bị cáo H đã bán cho ông Đỗ Văn V chủ tiệm vàng “Ngọc Kim Nguyên”. Sau đó, ông V đã đưa vào nấu lại cùng các loại vàng khác nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 311/KL-HĐĐGTS ngày 18/09/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: “01 vòng đeo tay bằng vàng 14K, trị giá 10.038.960đ (Mười triệu, không trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm sáu mươi đồng)”.

* Về dân sự: Bị hại bà Nguyễn Ngọc H chủ tiệm vàng “Kim Ngọc H” yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 10.038.960đ (Mười triệu, không trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm sáu mươi đồng). Hiện bị cáo chưa bồi thường.

Vụ thứ hai: Bằng thủ đoạn tương tự nêu trên. Vào khoảng 16 giờ 15 phút ngày 16/09/2024, H tiếp tục mượn xe mô tô biển số 69F1-108.73 của anh Khang đi đến tiệm vàng “Ngọc Kim Nguyên” (nêu trên) gặp ông V giả vờ hỏi mua nhẫn vàng và chỉ tay vào 01 chiếc nhẫn kiểu (loại hộp vuông bằng vàng loại 14K, trọng lượng 2,4 chỉ, có đính đá nhân tạo màu vàng) nói ông V lấy cho xem. Khi được ông V đưa chiếc nhẫn trên cho H coi, H liền cầm chiếc nhẫn chạy ra xe mô tô dựng sẵn trước đó để tẩu thoát thì bị anh V truy hô “cướp, cướp” và được anh Nguyễn Phi Hùng (sinh năm:1976, ngụ tại: phường Hóa An, thành phố B, tỉnh Đ) là bảo vệ của tiệm vàng đuổi theo nắm được đuôi xe mô tô của H thì bị H điều khiển xe kéo lê trên đường Phạm Văn Diêu, sau đó H tiếp tục điều khiển xe thì bị ngã xuống đường nên H bỏ lại xe chạy bộ về hướng Ủy ban nhân dân phường Tân Hạnh và vứt chiếc nhẫn xuống đường. Khi H chạy đến trước Ủy ban nhân dân phường thì bị anh Hùng và anh Bùi Chí Hiếu (sinh năm 1980, ngụ tại: phường Tân Hạnh, thành phố B) hỗ trợ bắt giữ, giao cho Công an phường Tân Hạnh lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B khởi tố, điều tra xử lý.

* Vật chứng vụ án gồm:

- 01 chiếc nhẫn kiểu (loại hộp vuông bằng vàng 14K, trọng lượng 2,4 chỉ, có đính đá nhân tạo màu vàng) là tài sản của ông Đỗ Văn V bị chiếm đoạt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi, trả lại cho ông V.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 69F1-108.73, tạm giữ của bị cáo H, là phương tiện bị can sử dụng đi thực hiện phạm tội. Kết quả xác minh xác định chiếc xe trên anh Trần Trường Giang (sinh năm: 1984, nơi đăng ký thường trú: xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau) đứng tên trên giấy đăng ký xe, bị cáo H được người bạn cùng dãy trọ là Nguyễn Hoàng Khang (sinh năm: 1996, nơi đăng ký thường trú: ấp Chà Là, xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau) cho mượn để sử dụng. Tuy nhiên, chưa xác minh làm việc được với anh Giang để làm rõ nguồn gốc và các giao dịch liên quan. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau.

- 01 USB nhãn hiệu Kingston (4GB) lưu trữ file hình ảnh thu giữ được tại khu vực hiện trường vụ án. Lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 309/KL-HĐĐGTS ngày 17/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết

lụa: “01 nhẫn vàng 14K, trị giá 11.085.600đ (Mười một triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng)”.

* Về dân sự: Bị hại ông Đỗ Văn V đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, có đơn bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho H. Bị hại bà Nguyễn Ngọc H tiếp tục yêu cầu bị cáo phải bồi thường tài sản bị chiếm đoạt theo giá trị đã định giá.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSBH ngày 18/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng H về tội “Cướp giật tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hoà vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1, 2 điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H mức án tù 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (Ba) năm tù.

Tuyên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố và không có ý kiến tranh luận gì.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra; riêng ông V đã nhận lại tài sản đồng thời không có yêu cầu gì khác. Bị hại bà Nguyễn Ngọc H yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự; về hình phạt yêu cầu HĐXX xem xét theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng, bị cáo đã biết lỗi, rất hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về tố tụng:

- Về tính hợp pháp của quyết định và hành vi của các cơ quan và những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an Thành phố Biên Hoà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hoà, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- *Về việc xét xử vắng mặt bị hại:* Tòa án đã triệu tập bị hại đến tham gia phiên tòa nhưng bị hại ông Đỗ Văn V vắng mặt không có lý do; bà Nguyễn Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên xét bị hại V đã nhận lại tài sản, có đơn bãi nại không có yêu cầu gì khác cũng như đã có lời khai đầy đủ của ông V và bà H tại hồ sơ vụ án; những lời khai đó phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác nên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử; căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng Hình sự để xét xử vắng mặt các bị hại.

- *Về tội danh, điều luật áp dụng:*

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; bản tường trình của những người làm chứng; sơ đồ nơi xảy ra sự việc; biên bản xác minh, biên bản mở camera; biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra sự việc; vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản; biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 03/9/2024 đến ngày 16/9/2024, Nguyễn Trọng H đã thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn các phường Hóa An và Tân Hạnh thuộc thành phố B, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 15 giờ 20 phút ngày 03/09/2024, tại tiệm vàng “Kim Ngọc H” (địa chỉ: tổ 16B, khu phố An Hòa, phường Hóa An), H đã có hành vi cướp giật 01 vòng tay bằng vàng loại 14K, trọng lượng 2,19 chỉ, trị giá 10.038.960đ (Mười triệu, không trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm sáu mươi đồng) của bà Nguyễn Ngọc H;

Vụ thứ hai: Vào khoảng 16 giờ 15 phút ngày 16/09/2024, tại tiệm vàng “Ngọc Kim Nguyên” (địa chỉ: 137B, tổ 12, khu phố 1, phường Tân Hạnh), H đã có hành vi cướp giật 01 chiếc nhẫn kiểu loại hộp vuông bằng vàng 14K, trọng lượng 2,4 chỉ, (có đính đá nhân tạo màu vàng), trị giá 11.085.600đ (Mười một triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng) của ông Đỗ Văn V thì bị bắt quả tang, khởi tố điều tra xử lý.

Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt được là 21.124.560đ (Hai mươi một triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm sáu mươi đồng);

Do vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Trọng H đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự như bản cáo trạng số 10/CT-VKSBH ngày 18/12/2024 của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thực hiện hai lần cướp giật tài sản của các bị hại nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Trọng H trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại Đỗ Văn V có đơn bãi nại và đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất, mức độ của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội: Bị cáo H đến các tiệm vàng của bị hại giả vờ mua tài sản ; sau đó lợi dụng sự sơ hở của các bị hại khi đưa tài sản cho bị cáo xem rồi cầm tài sản lên xe mô tô tăng tốc nhanh chóng tẩu thoát, ngoài ra bị cáo còn liều lĩnh dùng mô tô kéo lê bảo vệ tiệm vàng nơi bị cáo chiếm đoạt tài sản trên đường chạy trốn, đồng thời tìm mọi cách để thoát thân khi bị truy đuổi. Đánh giá hành vi phạm tội "Cướp giật tài sản" của bị cáo H tuy là phạm tội lần đầu nhưng thuộc loại tội phạm nghiêm trọng, bị cáo phạm tội do cố ý. Hành vi đó không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội mà còn gây tâm lý bức xúc, lo sợ trong nhân dân. Tại phiên tòa bị cáo khai nại mục đích, động cơ dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là nợ nần do vay tiền chưa bệnh cho mẹ, tuy nhiên xét lời khai nại này là không có căn cứ, nên không thể xem xét. Đánh giá ở loại tội phạm mà bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử nhận thấy cần buộc bị cáo Nguyễn Trọng H phải tiếp tục cách ly khỏi xã hội một thời gian tương ứng với tính chất, mức độ hành vi đã thực hiện mới đủ tác dụng để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

- Về trách nhiệm dân sự, bồi thường:

Bị hại Đỗ Văn V không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Bà Nguyễn Ngọc H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 10.038.960 (mười triệu không trăm ba mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi đồng) là giá trị tài sản bị mất theo kết luận định giá, là yêu cầu chính đáng và có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về xử lý vật chứng:

+ 01 chiếc nhẫn kiềng (loại hộp vuông bằng vàng 14K, trọng lượng 2,4 chỉ, có đính đá nhân tạo màu vàng) là tài sản của anh Đỗ Văn V bị chiếm đoạt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi, trả lại cho anh V là phù hợp, anh V cũng không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không đặt ra xem xét tiếp.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 69F1-108.73, tạm giữ của bị cáo H, là phương tiện bị can sử dụng để thực hiện phạm tội. Kết quả xác minh xác định chiếc xe trên là của anh Trần Trường Giang (sinh năm: 1984, nơi đăng ký thường trú: xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau) đứng tên trên giấy đăng ký xe, bị cáo H được người bạn cùng dây trọ là Nguyễn Hoàng Khang (sinh năm: 1996, nơi đăng ký thường trú: ấp Chà Là, xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau) cho mượn để sử dụng. Tuy nhiên, chưa xác minh làm việc được với anh Giang để làm rõ nguồn gốc và các giao dịch liên quan. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau là có căn cứ.

+ 01 USB nhãn hiệu Kingston (4GB) lưu trữ file hình ảnh thu giữ được tại khu vực hiện trường vụ án. Lưu kèm theo hồ sơ vụ án là có căn cứ.

- Các vấn đề khác:

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Trọng H bị kết án nên phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và phải bồi thường tài sản bị thiệt hại cho bị hại Nguyễn Ngọc H nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải bồi thường.

+ Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 292; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 13; Điều 357 và khoản 2 Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt Nguyễn Trọng H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2024.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Trọng H phải bồi thường cho bà Nguyễn Ngọc H số tiền 10.038.960 (mười triệu không trăm ba mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Trọng H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 501.948đ (Năm trăm lẻ một ngàn chín trăm bốn mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo – Bị Hại (12);
- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND tỉnh ĐN (01);
- Sở tư pháp tỉnh ĐN (01);
- VKSND Thành phố BH (01);
- Cơ quan CSĐTCA TP. BH (01);
- Cơ quan THAHS CA TP. BH (01);
- Chi cục THAD TP.BH (01);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đồng Thị Hồng